TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2020/DSST
Ngày: 11/8/2020
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm
2. Bà Huỳnh Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLDS-ST, ngày 22/5/2020, về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Hồ Ngọc C, sinh năm 1947; địa chỉ tại khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

  Người đại diện hợp pháp: Trương Thị Yến T, sinh năm 1992; địa chỉ số B, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020) (có mặt)

- Trương Thị Yến T, sinh năm 1992 và Hồ Minh T, sinh năm 2000; cùng địa chỉ số B, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

  Người đại diện hợp pháp cho anh T: Trương Thị Yến T, sinh năm 1992; địa chỉ số B, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/6/2020) (có mặt)

2. Bị đơn: Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N; cùng địa chỉ số B, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Trương Thị Yến T đại diện cho các nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11 tháng 02 năm 2019, bà Phan Thị Thu H có cho các ông, bà Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh; không có thế chấp tài sản; hợp đồng vay được lập thành văn bản và có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Trần Thị Minh. Bà H đã giao đủ tiền cho các bị đơn xong, có biên lai nhận tiền.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 12/9/2019 bà H đột ngột qua đời, không để lại di chúc. Sau đó gia đình bà H có đến gặp bà M để thông báo về số nợ thì bà M hứa đến hạn sẽ thanh toán. Nhưng đến hạn trả nợ, gia đình bà H đến đòi nhiều lần mà bà M vẫn không trả.

Do đó, ông Hồ Ngọc C, anh Hồ Minh Tvà chị Trương Thị Yến T là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H khởi kiện yêu cầu các ông, bà M, T, C, H và N trả lại số tiền vốn vay bằng 200.000.000đ, yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

Các bị đơn Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng các bị đơn không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại Phường 9, thành phố Vĩnh Long để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền vốn vay, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về "*Hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng các bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ hợp đồng vay nợ ngày 11/02/2019 thể hiện địa chỉ của các đương sự Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N tại số B113, khóm 3, Phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, tuy nhiên, theo xác nhận của Công an Phường 9, thành phố Vĩnh Long ngày 25/02/2020 thì hiện nay các bị đơn T, C, H và N không còn ở địa chỉ trên, đi đâu không rõ. Như vậy, nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, nhưng các bị đơn T, C, H và N đã thay đổi địa chỉ mới mà không T báo cho nguyên đơn biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, cho nên, Tòa án tiếp tục giải

quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hồ Ngọc C, Hồ Minh T và Trương Thị Yến T, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào "*Hợp đồng vay nợ*" ngày 11/02/2019 thể hiện các bị đơn Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N có vay của bà H số tiền vốn bằng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), có chữ ký của các bị đơn là có thật. Xét về hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán, cho nên đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Xét thấy, hợp đồng vay được các bên thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, đã được chứng nhận của Văn phòng Công chứng Trần Thị Minh nên có giá trị pháp lý để thực hiện.

[5] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H qua đời; sau đó đến thời hạn thanh toán, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H đến đòi nhiều lần nhưng các bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; mặt khác trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho các bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện nhưng các bị đơn vẫn không có ý phản đối. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn hoàn trả số tiền vốn vay bằng 200.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Riêng đối với tiền lãi, các nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hồ Ngọc C, Hồ Minh T và Trương Thị Yến T.

Buộc các bị đơn Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế của bà Phan Thị Thu H gồm: Hồ Ngọc C, Hồ Minh T và Trương Thị Yến T số tiền vốn bằng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

Buộc các ông, bà Lương Thị M, Nguyễn Văn T, Vũ Thị Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Ngọc N phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Hồ Minh Tvà Trương Thị Yến T 3.333.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005367, ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,…

Võ Tấn Thành